

Bản án số: 52/2018/DS-ST

Ngày: 29-8-2018

V/v “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Ông Thái Kim Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 17, ấp X, xã P, huyện GD, tỉnh T, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Thanh Đ – Văn phòng Luật sư Phạm Thanh Đ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Tạ Văn N, sinh năm 1965, (vắng mặt)

2. Bà Phan Thị G, sinh năm 1977, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 17, ấp X, xã P, huyện G, tỉnh T.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Hồng Y, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ô1/207, khu phố R, thị trấn GD1, huyện GD, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-10-2018 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Ngày 18-6-2017 AL (nhuận), bà có cho ông Tạ Văn N và bà Phan Thị G vay số tiền 240.000.000 đồng, mục đích vay là để xoay sở công việc nên ông N có ghi và ký giấy nợ ngày 18-6-2017 AL. Cùng ngày ghi giấy nợ, bà đã giao số tiền 240.000.000 đồng cho ông N, bà G nhận tại nhà của bà. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng và thời hạn vay là 01 tháng nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng, không ghi vào giấy nợ.

Ngày 18-7-2017 (AL), ông N có trả cho bà số tiền 7.200.000 đồng và nói là tiền lãi và xin gia hạn thêm 01 tháng sẽ trả nợ gốc và bà đồng ý. Sau đó, bà có tìm ông N và bà G nhiều lần để yêu cầu trả nợ thì phát hiện ông N, bà G đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 21-6-2018, ông N và bà G có trả cho bà được số tiền 100.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Hồng Y là người nhận chuyển nhượng nhà đất của ông N, bà G giao cho bà. Bà có làm giấy nhận tiền giao cho chị Y để đưa lại cho ông N, bà G.

Tại phiên tòa xét xử, bà đồng ý trừ số tiền 100.000.000 đồng mà ông N và bà G trả cho bà vào ngày 21-6-2018 vào tiền nợ gốc và đồng ý trừ số tiền 7.200.000 đồng mà ông N, bà G đã trả cho bà vào ngày 18-7-2017 (AL) vào phần tiền nợ lãi. Bà yêu cầu ông N, bà G trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 140.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày vay 18-6-2017 (AL) đến ngày 21-6-2018 trên số tiền gốc 240.000.000 đồng và từ ngày 22-6-2018 đến khi giải quyết xong vụ án trên số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn ông Tạ Văn N và bà Phan Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Phạm Thanh Đ trình bày:

Thực tế bà P có cho ông N, bà G vay số tiền 240.000.000 đồng. Tuy ông N, bà G không tham gia phiên tòa nhưng theo kết luận giám định chữ ký tại giấy nợ đề ngày 18-6-2017 (AL) là của ông N. Bà P thừa nhận ngày 21-6-2018 ông N và bà G có trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng, bà P đồng ý trừ vào tiền nợ gốc nên số tiền ông N, bà G còn nợ là 140.000.000 đồng nên đề nghị HĐXX ghi nhận. Và bà P yêu cầu tính tiền lãi theo 02 mức như sau: Từ ngày 18-6-2017 (AL) tức ngày **09-8-2017 (DL)** đến ngày 21-6-2018 là 10 tháng 12 ngày với số tiền lãi làm tròn là 20.000.000 đồng; từ ngày 22-6-2018 đến ngày 29-8-2018 là 02 tháng 07 ngày với số tiền lãi làm tròn là 2.300.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ lãi là 22.300.000 đồng. Đối với số tiền 7.200.000 đồng tiền lãi mà ông N đã trả cho bà P, bà P đồng ý trừ vào tiền nợ lãi nên số tiền nợ lãi còn phải trả là 15.100.000 đồng làm tròn thành 15.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông N và bà G trả cho bà P số tiền 155.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 15.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng là bà Phương đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, riêng ông N và bà G không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Buộc ông N và bà G có trách nhiệm trả cho bà Phương số tiền gốc còn nợ là 132.800.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Tạ Văn N và bà Phan Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu ông Tạ Văn N, bà Phan Thị G trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 140.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày vay 18-6-2017 (AL) tức ngày 09-8-2017 đến ngày 21-6-2018 trên số tiền gốc 240.000.000 đồng và từ ngày 22-6-2018 đến ngày 29-8-2018 trên số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Tuy ông N, bà G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà P thì thấy: Ngày 18-6-2017 (AL) **tức ngày 09-8-2017, bà P** có cho ông N và bà G vay số tiền 240.000.000 đồng, mục đích vay là để xoay sở việc làm ăn. Bà P có cung cấp 01 giấy nợ đề ngày 18-6-2017 AL (nhuận) có chữ ký và đề tên Tạ Văn N. Tại Kết luận giám định số 296/KL-KTHS ngày 19-4-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tây Ninh kết luận chữ ký mang tên Tạ Văn N trên tài liệu cần giám định là giấy nợ đề ngày 18-6-2017 (AL) mà bà P cung cấp (ký hiệu A) với chữ ký đứng tên Tạ Văn N trên tài liệu mẫu (ký hiệu M01 đến M05) do cùng một người ký ra. Do đó, có đủ căn cứ kết luận ông N có vay của bà P số tiền gốc 240.000.000 đồng là đúng.

[4] Bà P thừa nhận ngày 18-7-2017 (AL) tức ngày 08-9-2017 (DL) ông N có trả cho bà số tiền 7.200.000 đồng, theo bà đây là tiền lãi và bà đồng ý trừ số tiền 7.200.000 đồng này vào tiền nợ lãi. Nhưng tại giấy nợ đề ngày 18-6-2017 (AL) bà P và ông N không thỏa thuận tiền lãi, bà P cũng không chứng minh được có thỏa thuận về lãi suất và cũng không có sự thừa nhận của ông N, bà G nên Hội đồng xét xử nhận định đây là tiền nợ gốc mà ông N đã trả cho bà P và

được trừ vào tiền nợ gốc mà ông N, bà G còn nợ bà P là 240.000.000 đồng – 7.200.000 đồng = 232.800.000 đồng.

[5] Ngoài ra, bà P còn cho rằng ông N, bà G có nhờ chị Nguyễn Thị Hồng Y là người nhận chuyển nhượng nhà đất của ông N, bà G trả cho bà P số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 21-6-2018. Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị Hồng Y để thu thập chứng cứ và tham gia phiên tòa xét xử nhưng chị Y không cung cấp thông tin và không có mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, bà P thừa nhận đây là tiền ông N, bà G trả nợ cho bà và bà đồng ý trừ số tiền 100.000.000 đồng này vào tiền gốc mà ông N, bà G còn nợ. Nên bà P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Bà P xác nhận ông N, bà G còn nợ số tiền gốc là 240.000.000 đồng – 100.000.000 đồng = 140.000.000 đồng và yêu cầu ông N, bà G trả cho bà số tiền trên. Tuy nhiên, đối với số tiền 7.200.000 đồng mà ông N, bà G đã trả vào ngày 08-9-2017 được Hội đồng xét xử xem xét trừ vào phần tiền nợ gốc nên ông N, bà G còn nợ lại bà P số tiền là 132.800.000 đồng. Do đó, yêu cầu của bà P đối với số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P đối với ông N, bà G với số tiền nợ gốc còn lại 132.800.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Điều 27 của Luật Hôn nhân gia đình. Buộc ông N, bà G có trách nhiệm trả cho bà P số tiền nợ gốc 132.800.000 đồng.

[7] Đối với yêu cầu tính lãi: Bà P cho rằng khi vay bà và vợ chồng ông N, bà G có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời gian vay là 01 tháng nhưng việc thỏa thuận này không được ghi vào giấy nợ, bà P không có chứng cứ nào khác để chứng minh và cũng không có sự thừa nhận của ông N, bà G. Nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có lãi và không kỳ hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự nên bà P yêu cầu tính tiền lãi từ ngày vay 18-6-2017 (AL) tức ngày 09-8-2017 trên số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng và từ ngày 22-6-2018 đến ngày xét xử trên số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng là không có căn cứ. Bà P cũng không chứng minh được thời điểm báo trước việc yêu cầu ông N, bà G trả nợ nên thời gian tính tiền lãi được tính từ ngày bà P khởi kiện là ngày 03-10-2017 đến ngày 21-6-2018 trên số tiền nợ gốc còn lại là 232.800.000 đồng và từ ngày 22-6-2018 đến ngày xét xử hôm nay là 29-8-2018 trên số tiền nợ gốc là 132.800.000 đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Và yêu cầu tính tiền nợ lãi được thể hiện như sau:

- Từ ngày 03-10-2017 đến ngày 21-6-2018 là 08 tháng 18 ngày:
 $232.800.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 16.617.264 \text{ đồng}$
 - Từ ngày 22-6-2018 đến ngày 29-8-2018 là 02 tháng 07 ngày:
 $132.800.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 2.461.667 \text{ đồng}$
- Tổng cộng tiền nợ lãi là: 19.078.931 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà ông Nham, bà Góp có trách nhiệm trả cho bà Phương là 151.878.931 đồng.

[8] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P là có căn cứ để chấp nhận một phần như Hội đồng xét xử đã nhận định.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà P phải chịu án phí đối với số tiền 7.200.000 đồng không được Hội đồng xét xử chấp nhận và hoàn trả cho bà P số tiền tạm ứng án phí đối với số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng mà bà P rút lại yêu cầu khởi kiện; Ông N, bà G phải chịu án phí đối với số tiền mà Hội đồng xét xử tuyên buộc trả cho bà P theo quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về chi phí tố tụng khác: Ông N, bà G phải chịu 2.040.000 đồng chi phí giám định theo quy định tại khoản 4 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 161, 217, 218, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Tạ Văn N, bà Phan Thị G về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Tạ Văn N, bà Phan Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền 151.878.931 (*Một trăm năm mươi một triệu tám trăm tám trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm ba mươi một*) đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 132.800.000 (*Một trăm ba mươi hai triệu tám trăm nghìn*) đồng và tiền nợ lãi là 19.078.931 (*Mười chín triệu không trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm ba mươi một*) đồng.

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông N và bà G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với ông Tạ Văn N, bà Phan Thị G với số tiền nợ gốc là 7.200.000 (*Bảy triệu hai trăm nghìn*) đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 (*Một trăm triệu*) đồng.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông N, bà G phải chịu 7.593.950 (*Bảy triệu năm trăm chín mươi ba nghìn chín trăm năm mươi*) đồng.

Bà P phải chịu 360.000 (*Ba trăm sáu mươi nghìn*) đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp 6.250.000 (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0012510 ngày 03-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Hoàn trả cho bà P 5.890.000 (*Năm triệu tám trăm chín mươi nghìn*) đồng.

5. Về chi phí tố tụng khác: Ông N, bà G phải chịu 2.040.000 (*Hai triệu không trăm bốn mươi nghìn*) đồng chi phí giám định để hoàn trả cho bà P đã nộp tạm ứng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG